

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 chấp thuận danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2021 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 chấp thuận danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh; số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Lai Châu; số 1797/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Lai Châu.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2873/TTr-STNMT ngày 24/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số - Dân tộc Giáy (*bản San Thàng, thành phố Lai Châu*) với diện tích 2,8 ha.

2. Bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải, xã Sùng Phài với diện tích 3,3 ha.

3. Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Tả Chải, xã Sùng Phài với diện tích 0,1 ha.

4. Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Suối Thầu, xã Sùng Phài với diện tích 0,1 ha.

5. Đường giao thông nội đồng bản Cư Nhà La, xã Sùng Phài với diện tích 0,2 ha.

6. Đường giao thông nội đồng bản Căn Cầu, xã Sùng Phài với diện tích 0,3 ha.

7. Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Sin Chải, xã Sùng Phài với diện tích 0,2 ha.

8. Đường giao thông nội đồng bản Lùng Thàng, xã Sùng Phài với diện tích 0,2 ha.

9. Đường giao thông nội đồng bản Cánh Đẳng, xã San Thàng với diện tích 0,1 ha.

10. Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu với diện tích 11,47 ha, (*tăng 0,15 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).

11. Tuyến đường từ QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài với diện tích 9,22 ha (*giảm 8,61 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).

12. Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17 phường Quyết Thắng (Bao gồm tuyến đường, mặt bằng đô thị và bãi đỗ xe) với diện tích 24,18 ha, tăng 3,5 ha;

13. Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cư Nhà La đến khu đội 5 giao với Đại lộ Lê Lợi với diện tích 4,48 ha (*tăng 0,16 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).

14. Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu với diện tích 8,7 ha (*giảm 9,21 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).

15. Hồ Giang Ma với diện tích 6,48 ha (*tăng 0,85 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).

16. Trường Tiểu học - THCS Sùng Phài với diện tích 1,36 ha (*tăng 0,06 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).

17. Trường tiểu học Đoàn Kết (*Hạng mục hoàn trả đường giao thông*) với diện tích 0,31 ha.

18. Khu dân cư số 1 giai đoạn II, thị xã Lai Châu (*Hạng mục: Kênh thoát nước*) với diện tích 0,04 ha (*tăng 0,01 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).

19. Xây dựng khu căn cứ chiến đấu thành phố (*Bổ sung thêm 02 trận địa súng máy phòng không 12,7 mm tại xã San Thành thuộc khu căn cứ chiến đấu thành phố*) với diện tích 8,06 ha (*tăng 0,06 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).

(vị trí, diện tích và chi tiết các loại đất của từng công trình, dự án được điều chỉnh có sơ đồ kèm theo).

Điều 2. Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị

1. Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu:

a) Tổ chức công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành.

b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng thẩm quyền.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ pháp lý về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo theo quy định.

b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

3. Chủ đầu tư các dự án có trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, môi trường và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định trước khi thực hiện dự án; chỉ được phép thực hiện công trình, dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một phần của Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thành phố Lai Châu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- CB;
- Lưu: VT, Kt1, Kt4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Trọng Hải

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM, SỐ LƯỢNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN VÀ NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 CỦA THÀNH PHỐ LAI CHÂU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | Loại đất theo hiện trạng đang quản lý sử dụng (ha) | Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt | | Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|--------------------|--|---|---------------|-----------------------------------|---------------------------|--|---------|
| | | | | Diện tích (ha) | Loại đất (ha) | Diện tích (ha) | Loại đất | | |
| 1 | Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số - Dân tộc Giáy (bản San Thàng, thành phố Lai Châu) | Xã San Thàng | Đất trồng lúa nước còn lại (0,22); Đất trồng cây hàng năm khác (1,23); Đất nuôi trồng thủy sản (0,23); Đất ở nông thôn (0,1); Đất giao thông (0,1); đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (0,8); Đất cơ sở tín ngưỡng (0,02); Đất bằng chưa sử dụng (0,1) | | | 2.8 | Đất cơ sở văn hóa (DVH) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; | |
| 2 | Bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu | Xã Sùng Phài | Đất trồng cây lâu năm (0,72); Đất trồng cây hàng năm khác (1,8); Đất ở nông thôn (0,1); Đất giao thông (0,3); Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (0,3) | | | 3.3 | Đất ở tại nông thôn (ONT) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; | |

| | | | | | | | | |
|---|--|--------------|--|--|--|-----|----------------------|--|
| 3 | Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Tà Chải | Xã Sùng Phài | Đất trồng lúa nước còn lại (0,01); đất trồng cây lâu năm (0,05); đất ở tại nông thôn (0,02); đất đồi núi chưa sử dụng (0,02) | | | 0.1 | Đất giao thông (DGT) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; |
| 4 | Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Suối Thầu | Xã Sùng Phài | Đất trồng cây hàng năm khác (0,06); đất trồng cây lâu năm (0,04) | | | 0.1 | Đất giao thông (DGT) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; |
| 5 | Đường giao thông nội đồng bản Cừ Nhà La, xã Sùng Phài | Xã Sùng Phài | Đất trồng lúa nước còn lại (0,01); đất trồng cây lâu năm (0,18); đất ở tại nông thôn (0,01) | | | 0.2 | Đất giao thông (DGT) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; |
| 6 | Đường giao thông nội đồng bản Cẩn Cầu, xã Sùng Phài | Xã Sùng Phài | Đất trồng lúa nước còn lại (0,02); đất trồng cây hàng năm khác (0,14); đất trồng cây lâu năm (0,04); đất đồi núi chưa sử dụng (0,10) | | | 0.3 | Đất giao thông (DGT) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; |
| 7 | Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Sin Chải, xã Sùng Phài | Xã Sùng Phài | Đất trồng lúa nước còn lại (0,01); đất trồng cây hàng năm khác (0,13); đất đồi núi chưa sử dụng (0,06) | | | 0.2 | Đất giao thông (DGT) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; |
| 8 | Đường giao thông nội đồng bản Lũng Thàng, xã Sùng Phài | Xã Sùng Phài | Đất trồng lúa nước còn lại (0,11); đất trồng cây hàng năm khác (0,05); đất đồi núi chưa sử dụng (0,04) | | | 0.2 | Đất giao thông (DGT) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; |

| | | | | | | | | | |
|----|--|---|--|-------|--|-------|----------------------|---|-------------------------|
| 9 | Đường giao thông nội đồng bản Cẳng Đẳng, xã San Thàng | Xã San Thàng | Đất trồng lúa nước còn lại (0,02); đất trồng cây hàng năm khác (0,03); đất trồng cây lâu năm (0,03); đất đồi núi chưa sử dụng (0,02) | | | 0.1 | Đất giao thông (DGT) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; | |
| 10 | Đường Đinh Bộ Lĩnh | Các Phường: Đông Phong, Tân Phong | Đất bằng trồng cây hàng năm khác (2,05); đất trồng cây lâu năm (5,05); đất nuôi trồng thủy sản (1,7); đất ở đô thị (0,6); đất giao thông (0,6); đất thủy lợi (0,4); đất bằng chưa sử dụng (0,92); Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (0,15) | 11.32 | | 11.47 | Đất giao thông (DGT) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020; NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021; | Điều chỉnh quy mô dự án |
| 11 | Tuyến đường từ QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài | Xã Sùng Phài và các phường: Quyết Thắng, Quyết Tiến | Đất trồng lúa (0,70); đất bằng trồng cây hàng năm khác(0,06); đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (2,52); đất trồng cây lâu năm (5,0); đất rừng sản xuất (0,1); đất nuôi trồng thủy sản (0,02);đất ở tại nông thôn (0,06); đất ở tại đô thị (0,02); đất, ngòi, kênh, rạch, suối (0,02); đất giao thông (0,6); đất công trình năng lượng (0,02); đất thủy lợi (0,04); đất bằng chưa sử dụng (0,04); đất đồi núi chưa sử dụng (0,02) | 17.83 | | 9.22 | Đất giao thông (DGT) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; | Điều chỉnh quy mô dự án |

| | | | | | | | | | |
|----|---|---|---|-------|----------------------|-------|----------------------|--|-------------------------|
| 12 | Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nội từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17 phường Quyết Thắng (Bao gồm tuyến đường, mặt bằng đô thị và bãi đỗ thải) | Các phường: Đoàn Kết, Quyết Tiến, Quyết Thắng | Đất trồng lúa (3,73); đất trồng cây hàng năm khác (8,9); đất trồng cây lâu năm (7,67); đất nuôi trồng thủy sản (0,33); đất thương mại, dịch vụ (0,12); đất ở đô thị (0,64); Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (0,05); đất giao thông (0,47); đất thủy lợi (0,63); Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (0,62); đất bằng chưa sử dụng (0,9); đất đồi núi chưa sử dụng (0,12) | 20.68 | Đất giao thông (DGT) | 24.18 | Đất giao thông (DGT) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh; | Điều chỉnh quy mô dự án |
| 13 | Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cư Nhà La đến khu đội 5 giao với Đại Lộ Lê Lợi | Xã Sùng Phài; Phường Tân Phong | Đất bằng trồng cây hàng năm khác (0,4); đất trồng cây lâu năm (2,00); đất nuôi trồng thủy sản (0,20); đất ở tại nông thôn (0,10); đất ở tại đô thị (0,20); đất thủy lợi (0,11); đất giao thông (1,20); đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (0,05); đất giáo dục (0,02); đất bằng chưa sử dụng (0,04); đất đồi núi chưa sử dụng (0,16) | 4.32 | Đất giao thông (DGT) | 4.48 | Đất giao thông (DGT) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh (4,32 ha); | Điều chỉnh quy mô dự án |
| 14 | Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu | Xã San Thàng | Đất trồng lúa nước còn lại (2,25); đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (0,5); đất bằng trồng cây hàng năm khác (1,2); đất trồng cây | 17.91 | Đất thủy lợi (DTL) | 8.7 | Đất thủy lợi (DTL) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 | Điều chỉnh quy mô dự án |

| | | | | | | | | | |
|----|---|-------------------|---|------|------------------------------------|------|------------------------------------|--|-------------------------|
| | | | lâu năm (0,5); đất nuôi trồng thủy sản (1,5); đất ở nông thôn (0,2); đất thương mại, dịch vụ (0,1); đất giao thông (0,3); đất thủy lợi (0,4); Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (1,6); đất bằng chưa sử dụng (0,2) | | | | | của HĐND tỉnh; | |
| 15 | Hồ Giang Ma | Xã San Thàng | Đất trồng lúa nước còn lại (3,11); đất bằng trồng cây hàng năm khác(0,35); đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (1,44); đất trồng cây lâu năm (1,44); đất nuôi trồng thủy sản (0,08); đất giao thông (0,03); đất thủy lợi (0,03) | 5.63 | Đất thủy lợi (DTL) | 6.48 | Đất thủy lợi (DTL) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; NQ số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; | Điều chỉnh quy mô dự án |
| 16 | Trường Tiểu học - THCS Sùng Phài | Xã Sùng Phài | Đất bằng chưa sử dụng (0,06); đất trồng cây lâu năm (0,18); đất giao thông (0,03); đất ở nông thôn (0,03); đất cơ sở giáo dục (1,06) | 1.3 | Đất cơ sở giáo dục - đào tạo (DGD) | 1.36 | Đất cơ sở giáo dục - đào tạo (DGD) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; NQ số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Mục 4 trang 1 là 1,21 ha); | Điều chỉnh quy mô dự án |
| 17 | Trường tiểu học Đoàn Kết (Hạng mục hoàn trả đường giao thông) | Phường Đoàn Kết | Đất trồng cây hàng năm khác (0,2); đất bằng chưa sử dụng (0,11) | | | 0.31 | Đất giao thông (DGT) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; | |
| 18 | Khu dân cư số 1 giai đoạn II, thị xã Lai Châu (Hạng mục: Kênh thoát nước) | Phường Đông Phong | Đất chưa sử dụng (0,01); đất thủy lợi (0,02); đất trồng cây hàng năm khác (0,01) | 0.03 | Đất thủy lợi (DTL) | 0.04 | Đất thủy lợi (DTL) | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu chấp thuận bổ sung danh mục các dự án công trình phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022; | Điều chỉnh quy mô dự án |

| | | | | | | | | | |
|----|---|--------------|---|------|----------------------|------|----------------------|---|-------------------------|
| 19 | Xây dựng khu căn cứ chiến đấu thành phố (Bổ sung thêm 02 trận địa súng máy phòng không 12,7 mm tại xã San Thành thuộc khu căn cứ chiến đấu thành phố) | Xã San Thành | Đất trồng cây lâu năm (1,26); đất rừng sản xuất (0,1); RPH (0,9); CSD (5,8) | 8.00 | Đất quốc phòng (CQP) | 8.06 | Đất quốc phòng (CQP) | Quyết định số 152/QĐ-BTL ngày 22/01/2021 của Bộ tư lệnh quân khu 2 về việc phê duyệt quy hoạch vị trí xây dựng căn cứ chiến đấu; Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND thành phố về việc phê duyệt dự toán xây dựng công trình: Trận địa súng máy phòng không 12,7 mm trong khu vực phòng thủ thành phố Lai Châu | Điều chỉnh quy mô dự án |
|----|---|--------------|---|------|----------------------|------|----------------------|---|-------------------------|